TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI NƯỚC
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13 – 02 – 2025
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Nguyễn Trung Đông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm – Thư ký Tòa án.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 475/2024/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 265/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Chí N1, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2024 và các lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị N (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Chí N1 chung sống với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không kết quả nên đã sống ly thân cho đến nay. Do hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin được ly hôn với anh N1.

Về con chung: Có con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 03/9/2012, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ thu, nợ trả: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Chí N1, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của chị N nhưng anh N1 không có ý kiến. Tòa án thông báo để anh N1 tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh N1 vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa anh, chị được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Phía anh N1 đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh N1 vắng mặt không lý do; nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền*:

Tranh chấp giữa chị N và anh N1 là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Chí N1 có địa chỉ cư trú tại ấp K, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cái Nước thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về hôn nhân*: Chị N và anh N1 chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 79/2011 ngày 05/12/2011. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị N yêu cầu được ly hôn với anh N1, với nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Phía anh N1 không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị N và anh N1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu của chị N, cho chị N được ly hôn với anh N1 là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Chị N xác định có con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 03/9/2012, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu T và chị không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu T có nguyện vọng sống với chị N và chị N đã nuôi dưỡng cháu từ khi anh chị sống ly thân đến nay đã ổn định nên yêu cầu của chị N là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Nguyễn Chí T, sinh ngày 03/9/2012 cho chị N1 tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về tài sản chung*: Chị N xác định có tài sản chung nhưng tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía anh N1 không có yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] *Về nợ thu, nợ trả*: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía anh N1 không có yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu sau này, chị N và anh N1 có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

1. *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Chí N1.

2. *Về con chung*: Giao cho Nguyễn Thị N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Chí T, sinh ngày 03/9/2012 cho đến tuổi thành niên. Anh Nguyễn Chí N1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Nguyễn Chí N1 không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí số tiền là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013499, ngày 29/07/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước; chị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Chí N1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Đông Thới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Trúc Hằng